

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
			CTH
8418		Tủ lạnh, tủ kết đông và thiết bị làm lạnh hoặc kết đông khác, loại dùng điện hoặc loại khác; bơm nhiệt trừ máy điều hòa không khí thuộc nhóm 84.15	
	8418.10	- Tủ kết đông lạnh liên hợp (dạng thiết bị có buồng làm đá và làm lạnh riêng biệt), có các cửa mở riêng biệt	RVC40 hoặc CTSH
	8418.29	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTSH
	8418.50	- Loại có kiểu dáng nội thất khác (tủ, tủ ngăn, quầy hàng, tủ bày hàng và loại tương tự) để bảo quản và trưng bày, có lắp thiết bị làm lạnh hoặc kết đông	RVC40 hoặc CTSH
	8418.69	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTSH
	8418.99	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
8419		Thiết bị cho phòng thí nghiệm hoặc máy, thiết bị, gia nhiệt bằng điện hoặc không bằng điện (trừ lò luyện, nung, sấy và các thiết bị khác thuộc nhóm 85.14) để xử lý các loại vật liệu bằng quá trình thay đổi nhiệt như làm nóng, nấu, rang, chưng cất, tinh cất, sát trùng, thanh trùng, phun hơi nước, sấy, làm bay hơi, làm khô, cô đặc hoặc làm mát trừ các loại máy hoặc thiết bị dùng cho gia đình; thiết bị đun nước nóng nhanh hoặc thiết bị đun chứa nước nóng, không dùng điện	
	8419.11	- - Thiết bị đun nước nóng nhanh bằng ga	RVC40 hoặc CTSH
	8419.20	- Thiết bị khử trùng trong y tế, phẫu thuật hoặc phòng thí nghiệm	RVC40 hoặc CTSH
	8419.31	- - Dùng để sấy nông sản	RVC40 hoặc CTSH
	8419.39	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTSH
	8419.40	- Thiết bị chưng cất hoặc tinh cất	RVC40 hoặc CTSH
	8419.50	- Bộ phận trao đổi nhiệt	RVC40 hoặc CTSH
	8419.81	- - Để làm nóng đồ uống hoặc nấu hoặc hâm nóng thực phẩm	RVC40 hoặc CTSH
	8419.89	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTSH

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
	8419.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH
8421		Máy ly tâm, kể cả máy làm khô bằng ly tâm; máy và thiết bị lọc hay tinh chế chất lỏng hoặc chất khí	
	8421.21	- - Để lọc hoặc tinh chế nước	RVC40 hoặc CTH
	8421.22	- - Để lọc hoặc tinh chế đồ uống trừ nước	RVC40 hoặc CTH
	8421.23	- - Bộ lọc dầu hoặc xăng cho động cơ đốt trong	RVC40 hoặc CTH
	8421.29	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
	8421.39	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTSH
	8421.91	- - Cửa máy ly tâm, kể cả máy làm khô bằng ly tâm	RVC40 hoặc CTH
	8421.99	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
8422		Máy rửa bát đĩa; máy làm sạch hoặc làm khô chai lọ hoặc các loại đồ chứa khác; máy rót, đóng kín, gắn xi, đóng nắp hoặc dán nhãn vào các chai, lon, hộp, túi hoặc đồ chứa khác; máy bọc chai lọ, ống và các loại đồ chứa tương tự; máy đóng gói hay bao gói khác (kể cả máy bọc màng co nhiệt); máy nạp ga cho đồ uống	
	8422.30	- Máy rót, đóng kín, đóng nắp, làm kín hoặc dán nhãn vào các chai, lon, hộp, túi hoặc đồ chứa khác; máy bọc chai, lọ, ống và các đồ chứa tương tự; máy nạp ga cho đồ uống	RVC40 hoặc CTSH
	8422.40	- Máy đóng gói khác hoặc bao gói khác (kể cả máy bọc màng co nhiệt)	RVC40 hoặc CTSH
	8422.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH
8423		Cân (trừ loại cân đo có độ nhạy 5 cg hoặc nhạy hơn), kể cả máy đếm hoặc máy kiểm tra, hoạt động bằng nguyên lý cân; các loại quả cân	
	8423.20	- Cân băng tải	RVC40 hoặc CTSH
8424		Thiết bị cơ khí (hoạt động bằng tay hoặc không) để phun bắn, phun rải hoặc phun áp lực các chất lỏng hoặc chất bột; bình dập lửa, đã hoặc chưa nạp; súng phun và các thiết bị tương tự; máy phun bắn hơi nước hoặc cát và các	

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
		loại máy phun bắn tia tương tự	
	8424.10	- Bình dập lửa, đã hoặc chưa nạp	RVC40 hoặc CTH
8425		Hệ ròng rọc và hệ tời trừ tời nâng kiểu gầu nâng (trục tải thùng kíp); tời ngang và tời dọc; kích các loại	
	8425.31	- - Loại chạy bằng động cơ điện	RVC40 hoặc CTH
	8425.39	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
	8425.42	- - Loại kích và tời khác, dùng thủy lực	RVC40 hoặc CTH
8426		Công trục của tàu thủy; cần trục, kể cả cần trục cáp; khung thang nâng di động, xe chuyên chở kiểu khung đỡ cột chống và xe công xưởng có lắp cần cầu	
	8426.19	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
	8426.20	- Cần trục tháp	RVC40 hoặc CTH
	8426.30	- Cần trục công hoặc cần trục cánh xoay	RVC40 hoặc CTH
	8426.99	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
8427		Xe nâng hạ xếp tầng hàng bằng cơ cấu cang nâng; các loại xe công xưởng khác có lắp thiết bị nâng hạ hoặc xếp hàng	
	8427.90	- Các loại xe khác	RVC40 hoặc CTH
8428		Máy nâng hạ, giữ, xếp hoặc dỡ hàng khác (ví dụ, thang máy, thang cuốn, băng tải, thùng cáp treo)	
	8428.10	- Thang máy và tời nâng kiểu gầu nâng (trục tải thùng kíp)	RVC40 hoặc CTH
	8428.20	- Máy nâng hạ và băng tải dùng khí nén	RVC40 hoặc CTH
	8428.39	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
	8428.90	- Máy khác	RVC40 hoặc CTH

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
8429		Máy ủi đất lưỡi thẳng, máy ủi đất lưỡi nghiêng, máy san đất, máy cạp đất, máy xúc, máy đào đất, máy chuyển đất bằng gàu tự xúc, máy đầm và xe lu lăn đường, loại tự hành	
	8429.11	- - Loại bánh xích	RVC40 hoặc CTH
	8429.20	- Máy san đất	RVC40 hoặc CTH
	8429.51	- - Máy chuyển đất bằng gàu tự xúc lắp phía trước	RVC40 hoặc CTH
	8429.52	- - Máy có cơ cấu phần trên quay được 360o	RVC40 hoặc CTH
	8429.59	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
8430		Các máy ủi xúc dọn, cào, san, cạp, đào, đầm, nén, bóc tách hoặc khoan khác dùng trong công việc về đất, khoáng hoặc quặng; máy đóng cọc và nhổ cọc; máy xới tuyết và dọn tuyết	
	8430.10	- Máy đóng cọc và nhổ cọc	RVC40 hoặc CTH
	8430.39	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
	8430.49	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
	8430.61	- - Máy đầm hoặc máy nén	RVC40 hoặc CTH
	8430.69	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
8431		Các bộ phận chỉ sử dụng hoặc chủ yếu sử dụng cho các loại máy thuộc các nhóm từ 84.25 đến 84.30	
	8431.10	- Cửa máy thuộc nhóm 84.25	RVC40 hoặc CTH
	8431.20	- Cửa máy thuộc nhóm 84.27	RVC40 hoặc CTH
	8431.31	- - Cửa thang máy nâng hạ theo chiều thẳng đứng, tời nâng kiểu gàu nâng (trục tải thùng kíp) hoặc thang cuốn	RVC40 hoặc CTH
	8431.39	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
	8431.41	- - Gàu xúc, xẻng xúc, gàu ngoạm và gàu kẹp	RVC40 hoặc CTH
	8431.43	- - Bộ phận của máy khoan hoặc máy đào sâu thuộc phân nhóm 8430.41 hoặc 8430.49	RVC40 hoặc CTH

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
	8431.49	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
8432		Máy nông nghiệp, làm vườn hoặc lâm nghiệp dùng cho việc làm đất hoặc trồng trọt; máy cán cho bãi cỏ hoặc cho sân chơi thể thao	
	8432.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH
8433		Máy thu hoạch hoặc máy đập, kể cả máy đóng bó, bánh (kiện) rơm hoặc cỏ khô; máy cắt cỏ tươi hoặc cỏ khô; máy làm sạch, phân loại hoặc lựa chọn trứng, hoa quả hoặc nông sản khác, trừ các loại máy thuộc nhóm 84.37	
	8433.51	- - Máy gặt đập liên hợp	RVC40 hoặc CTSH
	8433.60	- Máy làm sạch, phân loại hay chọn trứng, hoa quả hay nông sản khác	RVC40 hoặc CTSH
	8433.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH
8434		Máy vắt sữa và máy chế biến sữa	
	8434.10	- Máy vắt sữa	RVC40 hoặc CTH
	8434.20	- Máy chế biến sữa	RVC40 hoặc CTH
	8434.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH
8435		Máy ép, máy nghiền và các loại máy tương tự dùng trong sản xuất rượu vang, rượu táo, nước trái cây hoặc các loại đồ uống tương tự	
	8435.10	- Máy	RVC40 hoặc CTH
8436		Các loại máy khác dùng trong nông nghiệp, làm vườn, lâm nghiệp, chăn nuôi gia cầm hoặc nuôi ong, kể cả máy ươm hạt giống có lắp thiết bị cơ khí hoặc thiết bị nhiệt; máy ấp trứng gia cầm và thiết bị sưởi ấm gia cầm mới nở	
	8436.10	- Máy chế biến thức ăn gia súc	RVC40 hoặc CTH
	8436.21	- - Máy ấp trứng gia cầm và thiết bị sưởi ấm gia cầm mới nở	RVC40 hoặc CTH
	8436.29	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
	8436.80	- Máy khác	RVC40 hoặc CTH

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
	8436.91	- - Cửa máy chăm sóc gia cầm hoặc máy ấp trứng gia cầm và thiết bị sưởi ấm gia cầm mới nở	RVC40 hoặc CTH
	8436.99	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
8437		Máy làm sạch, tuyển chọn hoặc phân loại hạt giống, hạt hoặc các loại rau đậu đã được làm khô; máy dùng trong công nghiệp xay sát hoặc dùng cho chế biến ngũ cốc hoặc rau đậu đã được làm khô, trừ các loại máy nông nghiệp	
	8437.80	- Máy khác	RVC40 hoặc CTH
	8437.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH
8438		Máy chế biến công nghiệp hoặc sản xuất thực phẩm hay đồ uống, chưa được ghi hay chi tiết ở nơi khác trong Chương này, trừ các loại máy để chiết xuất hay chế biến dầu hoặc mỡ động vật hoặc dầu hoặc chất béo từ thực vật	
	8438.10	- Máy làm bánh mì và máy để sản xuất mì macaroni, spaghetti hoặc các sản phẩm tương tự	RVC40 hoặc CTH
	8438.20	- Máy sản xuất mút kẹo, ca cao hay sô cô la	RVC40 hoặc CTH
	8438.50	- Máy chế biến thịt gia súc hoặc gia cầm	RVC40 hoặc CTH
	8438.60	- Máy chế biến hoa quả, quả hạch hoặc rau	RVC40 hoặc CTH
	8438.80	- Máy loại khác	RVC40 hoặc CTH
	8438.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH
8439		Máy chế biến bột giấy từ vật liệu sợi xenlulô hoặc máy dùng cho quá trình sản xuất hoặc hoàn thiện giấy hoặc bìa	
	8439.20	- Máy dùng sản xuất giấy hoặc bìa	RVC40 hoặc CTH
	8439.91	- - Cửa máy chế biến bột giấy từ vật liệu sợi xenlulô	RVC40 hoặc CTH
	8439.99	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
8441		Các máy khác dùng để sản xuất bột giấy, giấy hoặc bìa, kể cả máy cắt xén các loại	
	8441.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
8443		Máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in (bát chữ), ống in và các bộ phận in khác của nhóm 84.42; máy in khác, máy copy (copying machines) và máy fax, có hoặc không kết hợp với nhau; bộ phận và các phụ kiện của chúng	
	8443.17	- - Máy in ống đồng (*)	RVC40 hoặc CTH
	8443.19	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
	8443.32	- - Loại khác, có khả năng kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động hoặc kết nối mạng	RVC40 hoặc CTH
	8443.91	- - Bộ phận và phụ kiện của máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in (bát chữ), ống in và các bộ phận in khác của nhóm 84.42	RVC40 hoặc CTH
	8443.99	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
8452		Máy khâu, trừ các loại máy khâu sách thuộc nhóm 84.40; bàn, tủ, chân máy và nắp thiết kế chuyên dùng cho các loại máy khâu; kim máy khâu	
	8452.90	- Bàn, tủ, chân máy và nắp cho máy khâu và các bộ phận của chúng; bộ phận khác của máy khâu	RVC40 hoặc CC
8454		Lò thổi, nồi rót, khuôn đúc thổi và máy đúc, dùng trong luyện kim hay đúc kim loại	
	8454.30	- Máy đúc	RVC40 hoặc CTSH
	8454.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH
8456		Máy công cụ để gia công mọi loại vật liệu bằng cách bóc tách vật liệu, bằng các quy trình sử dụng tia laser hoặc tia sáng khác hoặc chùm phôtôn, siêu âm, phóng điện, điện hóa, chùm tia điện tử, chùm tia i-on hoặc quá trình xử lý plasma hồ quang; máy cắt bằng tia nước	
	8456.11	- - Hoạt động bằng tia laser hoặc tia sáng khác hoặc chùm phôtôn: Hoạt động bằng tia laser	RVC40 hoặc CTH
	8456.12	- - Hoạt động bằng tia laser hoặc tia sáng khác hoặc chùm phôtôn: Hoạt động bằng tia sáng khác hoặc chùm phôtôn	RVC40 hoặc CTH
8458		Máy tiện (kể cả trung tâm gia công tiện) để bóc tách kim loại	
	8458.19	- - Loại khác	RVC40 hoặc CC

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
8464		Máy công cụ để gia công đá, gốm, bê tông, xi măng - amiăng hoặc các loại khoáng vật tương tự hoặc máy dùng để gia công nguội thủy tinh	
	8464.20	- Máy mài hoặc máy đánh bóng	RVC40 hoặc CTH
	8464.90	- Loại khác	RVC40 hoặc CTH
8465		Máy công cụ (kể cả máy đóng đinh, đóng ghim, dán hoặc lắp ráp bằng cách khác) dùng để gia công gỗ, lie, xương, cao su cứng, plastic cứng hay các vật liệu cứng tương tự	
	8465.20	- Trung tâm gia công	RVC40 hoặc CTH
	8465.91	- - Máy cưa	RVC40 hoặc CTH
	8465.92	- - Máy bào, máy phay hoặc máy tạo khuôn (bằng phương pháp cắt)	RVC40 hoặc CTH
	8465.94	- - Máy uốn hoặc máy lắp ráp	RVC40 hoặc CTH
8466		Bộ phận và phụ kiện chỉ dùng hay chủ yếu dùng với các máy thuộc các nhóm từ 84.56 đến 84.65, kể cả bộ phận kẹp sản phẩm hay kẹp dụng cụ, đầu cắt ren tự mở, đầu chia độ và những bộ phận phụ trợ chuyên dùng khác dùng cho các máy này; bộ phận kẹp dụng cụ dùng cho mọi loại dụng cụ cầm tay	
	8466.10	- Bộ phận kẹp dụng cụ và đầu cắt ren tự mở	RVC40 hoặc CTH
	8466.20	- Bộ phận kẹp sản phẩm	RVC40 hoặc CTH
	8466.30	- Đầu chia độ và những bộ phận phụ trợ chuyên dùng khác dùng cho máy	RVC40 hoặc CTH
	8466.91	- - Dùng cho máy thuộc nhóm 84.64	RVC40 hoặc CTH
	8466.93	- - Dùng cho máy thuộc các nhóm từ 84.56 đến 84.61	RVC40 hoặc CTH
	8466.94	- - Dùng cho máy thuộc nhóm 84.62 hoặc 84.63	RVC40 hoặc CTH
8467		Dụng cụ cầm tay, hoạt động bằng khí nén, thủy lực hoặc có gắn động cơ dùng điện hay không dùng điện	
	8467.21	- - Khoan các loại	RVC40 hoặc CTH
	8467.81	- - Cưa xích	RVC40 hoặc

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
			CTSH
	8467.89	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTSH
	8467.91	- - Cửa cửa xích	RVC40 hoặc CTH
	8467.99	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
8468		Thiết bị và dụng cụ dùng để hàn thiếc, hàn đồng hoặc hàn khác, có hoặc không có khả năng cắt, trừ các loại thuộc nhóm 85.15; máy và thiết bị dùng để tôi bề mặt sử dụng khí ga	
	8468.20	- Thiết bị và dụng cụ sử dụng khí ga khác	RVC40 hoặc CTH
	8468.80	- Máy và thiết bị khác	RVC40 hoặc CTH
	8468.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH
8470		Máy tính và các máy ghi, tái tạo và hiển thị dữ liệu loại bỏ túi có chức năng tính toán; máy kế toán, máy đóng dấu bưu phí, máy bán vé và các loại máy tương tự, có gắn bộ phận tính toán; máy tính tiền	
	8470.10	- Máy tính điện tử có thể hoạt động không cần nguồn điện ngoài và máy ghi, tái tạo và hiển thị dữ liệu, loại bỏ túi có chức năng tính toán	RVC40 hoặc CTH
	8470.21	- - Có gắn bộ phận in	RVC40 hoặc CTH
	8470.30	- Máy tính khác	RVC40 hoặc CTH
	8470.90	- Loại khác	RVC40 hoặc CTH
8471		Máy xử lý dữ liệu tự động và các khối chức năng của chúng; đầu đọc từ tính hay đầu đọc quang học, máy truyền dữ liệu lên các phương tiện truyền dữ liệu dưới dạng mã hóa và máy xử lý những dữ liệu này, chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác	
	8471.30	- Máy xử lý dữ liệu tự động loại xách tay, có trọng lượng không quá 10 kg, gồm ít nhất một đơn vị xử lý dữ liệu trung tâm, một bàn phím và một màn hình	RVC40 hoặc CTSH
	8471.41	- - Chứa trong cùng một vỏ có ít nhất một đơn vị xử lý trung tâm, một đơn vị nhập và một đơn vị xuất, kết hợp hoặc không kết hợp với nhau	RVC40 hoặc CTSH

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
	8471.49	- - Loại khác, ở dạng hệ thống	RVC40 hoặc CTSH
	8471.50	- Bộ xử lý trừ loại của phân nhóm 8471.41 hoặc 8471.49, có hoặc không chứa trong cùng vỏ của một hoặc hai thiết bị sau: bộ lưu trữ, bộ nhập, bộ xuất	RVC40 hoặc CTSH
	8471.60	- Bộ nhập hoặc bộ xuất, có hoặc không chứa bộ lưu trữ trong cùng một vỏ	RVC40 hoặc CTSH
	8471.70	- Bộ lưu trữ	RVC40 hoặc CTH
	8471.80	- Các bộ khác của máy xử lý dữ liệu tự động	RVC40 hoặc CTSH
	8471.90	- Loại khác	RVC40 hoặc CTH
8473		Bộ phận và phụ kiện (trừ vỏ, hộp đựng và các loại tương tự) chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng với các máy thuộc các nhóm từ 84.70 đến 84.72	
	8473.29	- - Bộ phận và phụ kiện của máy thuộc nhóm 84.70: Loại khác	RVC40 hoặc CTH
	8473.30	- Bộ phận và phụ kiện của máy thuộc nhóm 84.71	RVC40 hoặc CTH
	8473.40	- Bộ phận và phụ kiện của máy thuộc nhóm 84.72	RVC40 hoặc CTH
8474		Máy dùng để phân loại, sàng lọc, phân tách, rửa, nghiền, xay, trộn hay nhào đất, đá, quặng hoặc các khoáng vật khác, dạng rắn (kể cả dạng bột hoặc dạng nhão); máy dùng để đóng khối, tạo hình hoặc đúc khuôn các nhiên liệu khoáng rắn, bột gốm nhão, xi măng chưa đông cứng, thạch cao hoặc các sản phẩm khoáng khác ở dạng bột hoặc dạng nhão; máy để tạo khuôn đúc bằng cát	
	8474.10	- Máy phân loại, sàng lọc, phân tách hoặc rửa	RVC40 hoặc CTSH
	8474.31	- - Máy trộn bê tông hoặc nhào vữa	RVC40 hoặc CTH
	8474.80	- Máy khác	RVC40 hoặc CTSH
	8474.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH
8475		Máy để lắp ráp đèn điện hoặc đèn điện tử, đèn ống hoặc đèn điện tử chân không hoặc đèn flash, với vỏ bọc bằng thủy tinh; máy để chế tạo hoặc gia công nóng thủy tinh hay đồ thủy	

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
		tinh	
	8475.10	- Máy để lắp ráp đèn điện hay đèn điện tử, đèn ống hoặc đèn điện tử chân không hoặc đèn flash, với vỏ bọc bằng thủy tinh	RVC40 hoặc CTH
	8475.29	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTSH
	8475.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH
8476		Máy bán hàng hóa tự động (ví dụ, máy bán tem bưu điện, máy bán thuốc lá, máy bán thực phẩm hoặc đồ uống), kể cả máy đổi tiền	
	8476.21	- - Có lắp thiết bị làm nóng hay làm lạnh	RVC40 hoặc CTH
	8476.29	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTSH
8477		Máy dùng để gia công cao su hoặc plastic hay dùng trong việc sản xuất các sản phẩm từ những vật liệu trên, chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác trong Chương này	
	8477.10	- Máy đúc phun	RVC40 hoặc CTSH
	8477.80	- Máy khác	RVC40 hoặc CTH
	8477.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH
8478		Máy chế biến hay đóng gói thuốc lá, chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác trong Chương này	
	8478.10	- Máy	RVC40 hoặc CTH
	8478.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH
8479		Máy và thiết bị cơ khí có chức năng riêng biệt, chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác thuộc Chương này	
	8479.10	- Máy dùng cho các công trình công cộng, công trình xây dựng hoặc các mục đích tương tự	RVC40 hoặc CTSH
	8479.81	- - Để gia công kim loại, kể cả máy cuộn ống dây điện	RVC40 hoặc CTSH
	8479.82	- - Máy trộn, máy nhào, máy xay, máy nghiền, máy sàng, máy rây, máy trộn đồng hóa, máy tạo nhũ tương hoặc máy khuấy	RVC40 hoặc CTSH

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
	8479.89	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
	8479.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH
8480		Hộp khuôn đúc kim loại; đế khuôn; mẫu làm khuôn; khuôn dùng cho kim loại (trừ khuôn đúc thổi), carbide kim loại, thủy tinh, khoáng vật, cao su hay plastic	
	8480.10	- Hộp khuôn đúc kim loại	RVC40 hoặc CTH
	8480.30	- Mẫu làm khuôn	RVC40 hoặc CTH
	8480.41	- - Loại phun hoặc nén	RVC40 hoặc CTH
	8480.49	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
	8480.60	- Khuôn đúc khoáng vật	RVC40 hoặc CTH
	8480.71	- - Loại phun hoặc nén	RVC40 hoặc CTH
	8480.79	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
8481		Vòi, van và các thiết bị tương tự dùng cho đường ống, thân nồi hơi, bể chứa hay các loại tương tự, kể cả van giảm áp và van điều chỉnh bằng nhiệt	
	8481.10	- Van giảm áp	RVC40 hoặc CTH
	8481.20	- Van dùng trong truyền động dầu thủy lực hay khí nén	RVC40 hoặc CTH
	8481.30	- Van kiểm tra (van một chiều)	RVC40 hoặc CTH
	8481.40	- Van an toàn hay van xả	RVC40 hoặc CTH
	8481.80	- Thiết bị khác	RVC40 hoặc CTSH
	8481.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH
8482		Ổ bi hoặc ổ đĩa	
	8482.10	- Ổ bi	RVC40 hoặc CTH
	8482.40	- Ổ đĩa kim	RVC40 hoặc CTH
	8482.80	- Loại khác, kể cả ổ kết hợp bi cầu/bi đĩa	RVC40 hoặc CTH

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
	8482.91	- - Bi, kim và đĩa	RVC40 hoặc CTH
	8482.99	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
8484		Đệm và gioăng tương tự làm bằng tấm kim loại mỏng kết hợp với các vật liệu dệt khác hoặc bằng hai hay nhiều lớp kim loại; bộ hoặc một số chủng loại đệm và gioăng tương tự, thành phần khác nhau, được đóng trong các túi, bao hoặc đóng gói tương tự; bộ làm kín kiểu cơ khí	
	8484.10	- Đệm và gioăng tương tự làm bằng tấm kim loại mỏng kết hợp với các vật liệu dệt khác hoặc bằng hai hay nhiều lớp kim loại	RVC40 hoặc CC
	8484.90	- Loại khác	RVC40 hoặc CC
8486		Máy và thiết bị chỉ sử dụng hoặc chủ yếu sử dụng để sản xuất các khối bán dẫn hoặc tấm bán dẫn mỏng, linh kiện bán dẫn, mạch điện tử tích hợp hoặc màn hình dệt; máy và thiết bị nêu ở Chú giải 9 (C) của Chương này; bộ phận và phụ kiện	
	8486.10	- Máy và thiết bị để sản xuất khối hoặc tấm bán dẫn mỏng	RVC40 hoặc CTSH
	8486.20	- Máy và thiết bị để sản xuất linh kiện bán dẫn hoặc mạch điện tử tích hợp	RVC40 hoặc CTSH
	8486.40	- Máy và thiết bị nêu tại Chú giải 9 (C) Chương này	RVC40 hoặc CTSH
	8486.90	- Bộ phận và phụ kiện	RVC40 hoặc CTH
8487		Phụ tùng máy móc, không bao gồm đầu nối điện, màng ngăn, cuộn, công tắc điện hoặc các phụ tùng điện khác, không được ghi hoặc chi tiết ở nơi khác trong Chương này	
	8487.10	- Chân vịt của tàu hoặc thuyền và cánh của chân vịt	RVC40 hoặc CTH
	8487.90	- Loại khác	RVC40 hoặc CTH

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
CHƯƠNG 85		MÁY ĐIỆN VÀ THIẾT BỊ ĐIỆN VÀ CÁC BỘ PHẬN CỦA CHÚNG; MÁY GHI VÀ TÁI TẠO ÂM THANH; MÁY GHI VÀ TÁI TẠO HÌNH ẢNH VÀ ÂM THANH TRUYỀN HÌNH, BỘ PHẬN VÀ PHỤ KIỆN CỦA CÁC LOẠI MÁY TRÊN <u>CHÚ GIẢI CHƯƠNG:</u> 1. Để áp dụng Quy tắc cụ thể mặt hàng, hàng hóa thuộc Chương này không được coi là có xuất xứ nếu quá trình sản xuất ra hàng hóa chỉ trải qua một hoặc nhiều công đoạn hoặc hoạt động sau: lắp ráp đơn giản các bộ phận của sản phẩm để tạo thành một sản phẩm hoàn chỉnh hoặc tháo rời sản phẩm thành các bộ phận. 2. Trường hợp hàng hóa đáp ứng quy tắc chuyển đổi mã số hàng hóa do chỉ gom các bộ phận ở trạng thái chưa lắp ráp thành sản phẩm thuộc Nhóm hay Phân nhóm khác, các bộ phận rời này vẫn giữ nguyên xuất xứ trước khi gom lại. Đơn giản được mô tả là hoạt động không cần các kỹ năng đặc biệt, máy móc, hoặc thiết bị được sản xuất hoặc lắp đặt đặc biệt để thực hiện hoạt động đó.	
	8501	Động cơ điện và máy phát điện (trừ tổ máy phát điện)	
	8501.10	- Động cơ có công suất không quá 37,5 W	RVC40 hoặc CTH
	8501.20	- Động cơ vận năng một chiều/xoay chiều có công suất trên 37,5 W	RVC40 hoặc CTH
	8501.31	- - Công suất không quá 750 W	RVC40 hoặc CTH
	8501.32	- - Công suất trên 750 W nhưng không quá 75 kW	RVC40 hoặc CTH
	8501.40	- Động cơ xoay chiều khác, một pha	RVC40 hoặc CTH
	8501.52	- - Công suất trên 750 W nhưng không quá 75 kW	RVC40 hoặc CTH
	8501.53	- - Công suất trên 75 kW	RVC40 hoặc CTH
	8502	Tổ máy phát điện và máy biến đổi điện quay	

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
	8502.12	- - Công suất trên 75 kVA nhưng không quá 375 kVA	RVC40 hoặc CTH
	8502.31	- - Chạy bằng sức gió	RVC40 hoặc CTH
8503		Các bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại máy thuộc nhóm 85.01 hoặc 85.02	
	8503.00	Các bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại máy thuộc nhóm 85.01 hoặc 85.02	RVC40 hoặc CTH
8504		Máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng), máy biến đổi điện tĩnh (ví dụ, bộ chỉnh lưu) và cuộn cảm	
	8504.10	- Chấn lưu dùng cho đèn phóng hoặc ống phóng	RVC40 hoặc CTH
	8504.23	- - Có công suất danh định trên 10.000 kVA	RVC40 hoặc CTH
	8504.31	- - Có công suất danh định không quá 1 kVA	RVC40 hoặc CTH
	8504.33	- - Có công suất danh định trên 16 kVA nhưng không quá 500 kVA	RVC40 hoặc CTH
	8504.40	- Máy biến đổi tĩnh điện	RVC40 hoặc CTH
	8504.50	- Cuộn cảm khác	RVC40 hoặc CTH
	8504.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH
8505		Nam châm điện; nam châm vĩnh cửu và các mặt hàng được dùng làm nam châm vĩnh cửu sau khi từ hóa; bàn cặp, giá kẹp và các dụng cụ để giữ tương tự, hoạt động bằng nam châm điện hoặc nam châm vĩnh cửu; các khớp nối, khớp ly hợp và phanh hoạt động bằng điện từ; đầu nâng hoạt động bằng điện từ	
	8505.11	- - Bằng kim loại	RVC40 hoặc CTH
	8505.19	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
	8505.90	- Loại khác, kể cả bộ phận	RVC40 hoặc CTH
8506		Pin và bộ pin	
	8506.10	- Bằng dioxit mangan	RVC40 hoặc CTH
	8506.50	- Bằng liti	RVC40 hoặc CTH
	8506.80	- Pin và bộ pin khác	RVC40 hoặc

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
			CTH
8507		Ắc qui điện, kể cả tấm vách ngăn của nó, có hoặc không ở dạng hình chữ nhật (kể cả hình vuông)	
	8507.60	- Bằng ion liti	RVC40 hoặc CTH
	8507.80	- Ắc qui khác	RVC40 hoặc CTH
	8507.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH
8508		Máy hút bụi	
	8508.11	- - Công suất không quá 1.500 W và có túi hứng bụi hay đồ chứa khác với sức chứa không quá 20 lít	RVC40 hoặc CTH
8509		Thiết bị cơ điện gia dụng có động cơ điện gắn liền, trừ máy hút bụi của nhóm 85.08	
	8509.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH
8510		Máy cạo, tông đơ và các dụng cụ loại bỏ râu, lông, tóc, có động cơ điện gắn liền	
	8510.10	- Máy cạo	RVC40 hoặc CTSH
8512		Thiết bị chiếu sáng hoặc thiết bị tín hiệu hoạt động bằng điện (trừ loại thuộc nhóm 85.39), gạt nước, gạt và chống tạo sương và tuyết trên kính chắn, loại dùng cho xe đạp hoặc xe có động cơ	
	8512.10	- Thiết bị chiếu sáng hoặc tạo tín hiệu trực quan dùng cho xe đạp	RVC40 hoặc CTH
	8512.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH
8513		Đèn điện xách tay được thiết kế để hoạt động bằng nguồn năng lượng riêng của nó (ví dụ, pin khô, ắc qui, magneto), trừ thiết bị chiếu sáng thuộc nhóm 85.12	
	8513.10	- Đèn	RVC40 hoặc CTH
	8513.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
8514		Lò luyện, nung và lò sấy điện dùng trong công nghiệp hoặc trong phòng thí nghiệm (kể cả các loại hoạt động bằng cảm ứng điện hoặc tổn hao điện môi); các thiết bị khác dùng trong công nghiệp hoặc trong phòng thí nghiệm để xử lý nhiệt các vật liệu bằng cảm ứng điện hoặc tổn hao điện môi	
	8514.40	- Thiết bị khác để xử lý nhiệt các vật liệu bằng cảm ứng điện hoặc tổn hao điện môi	RVC40 hoặc CTSH
	8514.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH
8516		Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời hoặc đun nước nóng có dự trữ và đun nước nóng kiểu nhúng; dụng cụ điện làm nóng không gian và làm nóng đất; dụng cụ nhiệt điện làm tóc (ví dụ, máy sấy tóc, máy uốn tóc, dụng cụ kẹp uốn tóc) và máy sấy làm khô tay; bàn là điện; dụng cụ nhiệt điện gia dụng khác; các loại điện trở đốt nóng bằng điện, trừ loại thuộc nhóm 85.45	
	8516.29	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTSH
8517		Bộ điện thoại, kể cả điện thoại cho mạng di động tế bào hoặc mạng không dây khác; thiết bị khác để truyền hoặc nhận tiếng, hình ảnh hoặc dữ liệu khác, kể cả các thiết bị viễn thông nối mạng hữu tuyến hoặc không dây (như loại sử dụng trong mạng nội bộ hoặc mạng diện rộng), trừ loại thiết bị truyền hoặc thu của nhóm 84.43, 85.25, 85.27 hoặc 85.28	
	8517.11	- - Bộ điện thoại hữu tuyến với điện thoại cầm tay không dây	RVC40 hoặc CTSH
	8517.12	- - Điện thoại cho mạng di động tế bào hoặc mạng không dây khác	RVC40 hoặc CTSH
	8517.18	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTSH
	8517.62	- - Máy thu, đổi và truyền hoặc tái tạo âm thanh, hình ảnh hoặc dạng dữ liệu khác, kể cả thiết bị chuyển mạch và thiết bị định tuyến	RVC40 hoặc CTSH
	8517.70	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
8518		Micro và giá đỡ micro; loa, đã hoặc chưa lắp ráp vào trong vỏ loa; tai nghe có khung chụp qua đầu và tai nghe không có khung chụp qua đầu, có hoặc không ghép nối với một micro, và các bộ gồm có một micro và một hoặc nhiều loa; thiết bị điện khuếch đại âm tần; bộ tăng âm điện	
	8518.10	- Micro và giá đỡ micro	RVC40 hoặc CTH
	8518.21	- - Loa đơn, đã lắp vào vỏ loa	RVC40 hoặc CTH
	8518.22	- - Bộ loa, đã lắp vào cùng một vỏ loa	RVC40 hoặc CTH
	8518.29	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
8519		Thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh	
	8519.20	- Thiết bị hoạt động bằng tiền xu, tiền giấy, thẻ ngân hàng, xèng (tokens) hoặc bằng phương tiện thanh toán khác	RVC40 hoặc CTH
8522		Bộ phận và đồ phụ trợ chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các thiết bị của nhóm 85.19 hoặc 85.21	
	8522.90	- Loại khác	RVC40 hoặc CTH
8523		Đĩa, băng, các thiết bị lưu trữ bền vững, thẻ rắn, "thẻ thông minh" và các phương tiện lưu trữ thông tin khác để ghi âm thanh hoặc các nội dung, hình thức thể hiện khác, đã hoặc chưa ghi, kể cả bản khuôn mẫu và bản gốc để sản xuất băng đĩa, nhưng không bao gồm các sản phẩm của Chương 37	
	8523.29	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
	8523.49	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
	8523.51	- - Các thiết bị lưu trữ bán dẫn không xóa	RVC40 hoặc CTH
	8523.52	- - "Thẻ thông minh"	RVC40 hoặc CTH
	8523.59	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
	8523.80	- Loại khác	RVC40 hoặc CTH

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
8525		Thiết bị phát dùng cho phát thanh sóng vô tuyến hoặc truyền hình, có hoặc không gắn với thiết bị thu hoặc ghi hoặc tái tạo âm thanh; camera truyền hình, camera kỹ thuật số và camera ghi hình ảnh	
	8525.80	- Camera truyền hình, camera kỹ thuật số và camera ghi hình ảnh	RVC40 hoặc CTH
8526		Ra đa, các thiết bị dẫn đường bằng sóng vô tuyến và các thiết bị điều khiển từ xa bằng vô tuyến	
	8526.10	- Ra đa	RVC40 hoặc CTH
8527		Thiết bị thu dùng cho phát thanh sóng vô tuyến, có hoặc không kết hợp với thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh hoặc với đồng hồ, trong cùng một khối	
	8527.21	- - Kết hợp với thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh	RVC40 hoặc CTH
8528		Màn hình và máy chiếu, không gắn với thiết bị thu dùng trong truyền hình; thiết bị thu dùng trong truyền hình, có hoặc không gắn với máy thu thanh sóng vô tuyến hoặc thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh	
	8528.52	- - Màn hình khác: Có khả năng kết nối trực tiếp và được thiết kế để dùng cho máy xử lý dữ liệu tự động thuộc nhóm 84.71	RVC40 hoặc CTH
	8528.59	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
	8528.62	- - Máy chiếu: Có khả năng kết nối trực tiếp và được thiết kế để dùng cho máy xử lý dữ liệu tự động thuộc nhóm 84.71	RVC40 hoặc CTH
	8528.69	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
	8528.72	- - Loại khác, màu	RVC40 hoặc CTH
8529		Bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng với các thiết bị thuộc các nhóm từ 85.25 đến 85.28	
	8529.90	- Loại khác	RVC40 hoặc CTH
8530		Thiết bị điện phát tín hiệu thông tin, bảo đảm an toàn hoặc điều khiển giao thông, dùng cho đường sắt, đường tàu điện, đường bộ, đường thủy nội địa, điểm dừng đỗ, cảng hoặc sân bay (trừ loại thuộc nhóm 86.08)	
	8530.10	- Thiết bị dùng cho đường sắt hay đường tàu	RVC40 hoặc

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
		điện	CTSH
	8530.80	- Thiết bị khác	RVC40 hoặc CTSH
		Thiết bị báo hiệu bằng âm thanh hoặc hình ảnh (ví dụ, chuông, còi báo, bảng chỉ báo, báo động chống trộm hoặc báo cháy), trừ các thiết bị thuộc nhóm 85.12 hoặc 85.30.	
	8531.10	- Báo động chống trộm hoặc báo cháy và các thiết bị tương tự	RVC40 hoặc CTSH
	8531.20	- Bảng chỉ báo có gắn màn hình tinh thể lỏng (LCD) hoặc đi-ốt phát quang (LED)	RVC40 hoặc CTH
8532		Tụ điện, loại có điện dung cố định, biến đổi hoặc điều chỉnh được (theo mức định trước)	
	8532.10	- Tụ điện cố định được thiết kế dùng trong mạch có tần số 50/60 Hz và có giới hạn công suất phản kháng cho phép không dưới 0,5 kvar (tụ nguồn)	RVC40 hoặc CTSH
	8532.21	- - Tụ tantan (tantalum)	RVC40 hoặc CTSH
	8532.22	- - Tụ nhôm	RVC40 hoặc CTSH
	8532.24	- - Tụ gốm, nhiều lớp	RVC40 hoặc CTSH
	8532.29	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTSH
8533		Điện trở (kể cả biến trở và chiết áp), trừ điện trở nung nóng	
	8533.10	- Điện trở than cố định, dạng kết hợp hay dạng màng	RVC40 hoặc CTSH
	8533.29	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTSH
	8533.40	- Điện trở biến đổi khác, kể cả biến trở và chiết áp	RVC40 hoặc CTSH
	8533.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH
8534	8534.00	Mạch in	RVC40 hoặc CTH
8535		Thiết bị điện để đóng ngắt mạch hay bảo vệ mạch điện, hoặc dùng để đấu nối hay lắp trong mạch điện (ví dụ, cầu dao, công tắc, cầu chì, bộ chống sét, bộ khống chế điện áp, bộ triệt xung điện, phích cắm và đầu nối khác, hộp đấu nối), dùng cho điện áp trên 1.000 V	
	8535.21	- - Có điện áp dưới 72,5 kV	RVC40 hoặc

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
			CTH
	8535.90	- Loại khác	RVC40 hoặc CTH
8536		Thiết bị điện để đóng ngắt mạch hay bảo vệ mạch điện, hoặc dùng để đấu nối hay lắp trong mạch điện (ví dụ, cầu dao, rơ le, công tắc, chỉ tiết đóng ngắt mạch, cầu chì, bộ triệt xung điện, phích cắm, ổ cắm, đui đèn và các đầu nối khác, hộp đấu nối), dùng cho điện áp không quá 1.000 V; đầu nối dùng cho sợi quang, bó sợi quang hoặc cáp quang	
	8536.10	- Cầu chì	RVC40 hoặc CTH
	8536.20	- Bộ ngắt mạch tự động	RVC40 hoặc CTH
	8536.49	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
	8536.50	- Thiết bị đóng ngắt mạch khác	RVC40 hoặc CTH
	8536.69	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
	8536.90	- Thiết bị khác	RVC40 hoặc CTH
8537		Bảng, panel, giá đỡ, bàn, tủ và các loại hộp và đế khác, được lắp với hai hay nhiều thiết bị thuộc nhóm 85.35 hoặc 85.36, dùng để điều khiển hoặc phân phối điện, kể cả các loại trên có lắp các dụng cụ hay thiết bị thuộc Chương 90, và các thiết bị điều khiển số, trừ các thiết bị chuyển mạch thuộc nhóm 85.17	
	8537.10	- Dùng cho điện áp không quá 1.000 V	RVC40 hoặc CC
	8537.20	- Dùng cho điện áp trên 1.000 V	RVC40 hoặc CC
8538		Bộ phận chuyên dùng hay chủ yếu dùng với các thiết bị thuộc nhóm 85.35, 85.36 hoặc 85.37	
	8538.90	- Loại khác	RVC40 hoặc CTH
8539		Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; đèn đi-ốt phát quang (LED)	
	8539.10	- Đèn pha gắn kín (sealed beam lamp units)	RVC40 hoặc CTSH

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
	8539.21	- - Bóng đèn ha-lo-gien vonfram	RVC40 hoặc CTSH
	8539.22	- - Loại khác, có công suất không quá 200 W và điện áp trên 100 V	RVC40 hoặc CTSH
	8539.29	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTSH
	8539.31	- - Bóng đèn huỳnh quang, ca-tốt nóng	RVC40 hoặc CTSH
	8539.39	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTSH
	8539.41	- - Đèn hồ quang	RVC40 hoặc CTSH
	8539.49	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTSH
	8539.50	- Đèn đi-ốt phát quang (LED)	RVC40 hoặc CTSH
	8539.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH
8540		Đèn điện tử và ống điện tử dùng nhiệt điện tử, ca tốt lạnh hoặc ca tốt quang điện (ví dụ, đèn điện tử và ống đèn chân không hoặc nạp khí hoặc hơi, đèn và ống điện tử chỉnh lưu hồ quang thủy ngân, ống điện tử dùng tia âm cực, ống điện tử camera truyền hình)	
	8540.89	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTSH
8541		Đi-ốt, tranzito và các thiết bị bán dẫn tương tự; bộ phận bán dẫn cảm quang, kể cả tế bào quang điện đã hoặc chưa lắp ráp thành các mảng module hoặc thành bảng; đi-ốt phát quang (LED); tinh thể áp điện đã lắp ráp	
	8541.10	- Đi-ốt, trừ đi-ốt cảm quang hay đi-ốt phát quang (LED)	RVC40 hoặc CTSH
	8541.21	- - Có tỷ lệ tiêu tán năng lượng dưới 1 W	RVC40 hoặc CTSH
	8541.29	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTSH
	8541.30	- Thyristors, diacs và triacs, trừ thiết bị cảm quang	RVC40 hoặc CTSH
	8541.40	- Thiết bị bán dẫn cảm quang, kể cả tế bào quang điện đã hoặc chưa lắp ráp thành các mảng module hoặc thành bảng; đi-ốt phát quang (LED)	RVC40 hoặc CTSH
	8541.50	- Thiết bị bán dẫn khác	RVC40 hoặc CTSH

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
	8541.60	- Tinh thể áp điện đã lắp ráp	RVC40 hoặc CTSH
	8541.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH
8542		Mạch điện tử tích hợp	
	8542.31	- - Đơn vị xử lý và đơn vị điều khiển, có hoặc không kết hợp với bộ nhớ, bộ chuyển đổi, mạch logic, khuếch đại, đồng hồ thời gian và mạch định giờ, hoặc các mạch khác	RVC40 hoặc CTSH
	8542.32	- - Bộ nhớ	RVC40 hoặc CTSH
	8542.33	- - Mạch khuếch đại	RVC40 hoặc CTSH
	8542.39	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTSH
	8542.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH
8543		Máy và thiết bị điện, có chức năng riêng, chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác trong Chương này	
	8543.20	- Máy phát tín hiệu	RVC40 hoặc CTH
	8543.70	- Máy và thiết bị khác	RVC40 hoặc CTSH
	8543.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CTH
8544		Dây điện, cáp điện (kể cả cáp đồng trục) có cách điện (kể cả loại đã tráng men cách điện hoặc mạ lớp cách điện) và dây dẫn có cách điện khác, đã hoặc chưa gắn với đầu nối; cáp sợi quang, làm bằng các bó sợi đơn có vỏ bọc riêng biệt từng sợi, có hoặc không gắn với dây dẫn điện hoặc gắn với đầu nối	
	8544.11	- - Bảng đồng	RVC40 hoặc CTH
	8544.19	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
	8544.20	- Cáp đồng trục và các dây dẫn điện đồng trục khác	RVC40 hoặc CTH
	8544.30	- Bộ dây đánh lửa và bộ dây khác loại sử dụng cho xe, phương tiện bay hoặc tàu thuyền	RVC40 hoặc CTH
	8544.42	- - Đã lắp với đầu nối điện	RVC40 hoặc CTH
	8544.49	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
	8544.60	- Các dây dẫn điện khác, dùng cho điện áp trên 1000 V	RVC40 hoặc CTH
	8544.70	- Cáp sợi quang	RVC40 hoặc CTH
8545		Điện cực than, chổi than, carbon cho chế tạo bóng đèn, carbon cho chế tạo pin, ắc qui và các sản phẩm khác làm bằng graphit hoặc carbon khác, có hoặc không có thành phần kim loại, dùng cho kỹ thuật điện	
	8545.19	- - Loại khác	RVC40 hoặc CC
	8545.90	- Loại khác	RVC40 hoặc CC
8546		Vật cách điện làm bằng vật liệu bất kỳ	
	8546.20	- Bảng gốm, sứ	RVC40 hoặc CC
	8546.90	- Loại khác	RVC40 hoặc CC
	8548.90	- Loại khác	RVC40 hoặc CTH
CHƯƠNG 87		XE TRÙ PHƯƠNG TIỆN CHẠY TRÊN ĐƯỜNG SẮT HOẶC ĐƯỜNG TÀU ĐIỆN, VÀ CÁC BỘ PHẬN VÀ PHỤ KIỆN CỦA CHÚNG	
8712	8712.00	Xe đạp hai bánh và xe đạp khác (kể cả xe xích lô ba bánh chở hàng), không lắp động cơ	RVC40 hoặc CTH
8715	8715.00	Xe đẩy trẻ em và bộ phận của chúng	RVC40 hoặc CC
		Rơ-moóc và sơ mi rơ-moóc; xe khác, không có cơ cấu đẩy cơ khí; các bộ phận của chúng.	
8716	8716.90	- Bộ phận	RVC40 hoặc CC
CHƯƠNG 89		TÀU THỦY, THUYỀN VÀ CÁC KẾT CẤU NỔI	
8901		Tàu thủy chở khách, du thuyền, phà, tàu thủy chở hàng, xà lan và các tàu thuyền tương tự để vận chuyển người hoặc hàng hóa	
	8901.10	- Tàu thủy chở khách, du thuyền và các tàu thuyền tương tự được thiết kế chủ yếu để vận chuyển người; phà các loại	RVC40 hoặc CC
	8901.20	- Tàu chở chất lỏng hoặc khí hoá lỏng	RVC40 hoặc CC
	8901.30	- Tàu thuyền đông lạnh, trừ loại thuộc phân nhóm 8901.20	RVC40 hoặc CC

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
	8901.90	- Tàu thuyền khác để vận chuyển hàng hóa và tàu thuyền khác để vận chuyển cả người và hàng hóa	RVC40 hoặc CC
8902	8902.00	Tàu thuyền đánh bắt thủy sản; tàu chế biến và các loại tàu khác dùng cho chế biến hay bảo quản thủy sản đánh bắt	RVC40 hoặc CC
8903		Du thuyền hạng nhẹ và các loại tàu thuyền khác phục vụ nghỉ ngơi, giải trí hoặc thể thao; thuyền dùng mái chèo và canô	
	8903.10	- Loại có thể bơm hơi hoặc tự bơm hơi được	RVC40 hoặc CC
	8903.91	- - Thuyền buồm, có hoặc không có động cơ phụ trợ	RVC40 hoặc CC
	8903.99	- - Loại khác	RVC40 hoặc CC
8904	8904.00	Tàu kéo và tàu đẩy	RVC40 hoặc CC
8905		Tàu đèn hiệu, tàu cứu hỏa, tàu hút nạo vét (tàu cuốc), cần cẩu nổi và tàu thuyền khác mà tính năng di động trên mặt nước chỉ nhằm bổ sung cho chức năng chính của các tàu thuyền này; ụ nổi sửa chữa tàu; dàn khoan hoặc dàn sản xuất nổi hoặc nửa nổi nửa chìm	
	8905.10	- Tàu hút nạo vét (tàu cuốc)	RVC40 hoặc CC
	8905.20	- Dàn khoan hoặc dàn sản xuất nổi hoặc nửa nổi nửa chìm	RVC40 hoặc CC
		Tàu thuyền khác, kể cả tàu chiến và xuồng cứu sinh trừ thuyền dùng mái chèo.	
	8906.10	- Tàu chiến	RVC40 hoặc CC

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
CHƯƠNG 90		<p>DỤNG CỤ VÀ THIẾT BỊ QUANG HỌC, NHIẾP ẢNH, ĐIỆN ẢNH, ĐO LƯỜNG, KIỂM TRA, CHÍNH XÁC, Y TẾ HOẶC PHẪU THUẬT; ĐỒNG HỒ THỜI GIAN VÀ ĐỒNG HỒ CÁ NHÂN; NHẠC CỤ; CÁC BỘ PHẬN VÀ PHỤ KIỆN CỦA CHÚNG</p> <p><u>CHÚ GIẢI CHƯƠNG:</u></p> <p>1. Để áp dụng Quy tắc cụ thể mặt hàng, hàng hóa thuộc Chương này không được coi là có xuất xứ nếu quá trình sản xuất ra hàng hóa chỉ trải qua một hoặc nhiều công đoạn hoặc hoạt động sau: lắp ráp đơn giản các bộ phận của sản phẩm để tạo thành một sản phẩm hoàn chỉnh hoặc tháo rời sản phẩm thành các bộ phận.</p> <p>2. Trường hợp hàng hóa đáp ứng quy tắc chuyển đổi mã số hàng hóa do chỉ gom các bộ phận ở trạng thái chưa lắp ráp thành sản phẩm thuộc Nhóm hay Phân nhóm khác, các bộ phận rời này vẫn giữ nguyên xuất xứ trước khi gom lại.</p> <p>Đơn giản được mô tả là hoạt động không cần các kỹ năng đặc biệt, máy móc, hoặc thiết bị được sản xuất hoặc lắp đặt đặc biệt để thực hiện hoạt động đó.</p>	
	9001	Sợi quang và bó sợi quang; cáp sợi quang trừ các loại thuộc nhóm 85.44; vật liệu phân cực dạng tấm và lá; thấu kính (kể cả thấu kính áp tròng), lăng kính, gương và các bộ phận quang học khác, bằng vật liệu bất kỳ, chưa lắp ráp, trừ loại bằng thủy tinh chưa gia công về mặt quang học	
	9001.10	- Sợi quang, bó sợi quang và cáp sợi quang	RVC40 hoặc CC
	9001.30	- Thấu kính áp tròng	RVC40 hoặc CC
	9001.40	- Thấu kính thủy tinh làm kính đeo mắt	RVC40 hoặc CC
	9001.50	- Thấu kính bằng vật liệu khác làm kính đeo mắt	RVC40 hoặc CC
	9001.90	- Loại khác	RVC40 hoặc

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
			CC
9002		Thấu kính, lăng kính, gương và các bộ phận quang học khác, bằng vật liệu bất kỳ, đã lắp ráp, là các bộ phận hoặc phụ kiện để lắp ráp cho các dụng cụ hoặc thiết bị, trừ loại làm bằng thủy tinh chưa được gia công quang học	
	9002.11	- - Dùng cho camera, máy chiếu hoặc máy phóng to hoặc máy thu nhỏ ảnh	RVC40 hoặc CC
	9002.90	- Loại khác	RVC40 hoặc CC
9003		Khung và gọng cho kính đeo, kính bảo hộ hoặc các loại tương tự, và các bộ phận của chúng	
	9003.19	- - Bằng vật liệu khác	RVC40 hoặc CTH
9004		Kính đeo, kính bảo hộ và các loại tương tự, kính thuốc, kính bảo vệ mắt hoặc loại khác	
	9004.10	- Kính râm	RVC40 hoặc CTH
	9004.90	- Loại khác	RVC40 hoặc CTH
9005		Ống nhòm loại hai mắt, ống nhòm đơn, kính viễn vọng quang học khác, và khung giá của các loại trên; các dụng cụ thiên văn khác và khung giá của chúng, trừ các dụng cụ dùng cho thiên văn học vô tuyến	
	9005.10	- Ống nhòm loại hai mắt	RVC40 hoặc CTSH
	9005.90	- Bộ phận và phụ kiện (kể cả khung giá)	RVC40 hoặc CTH
9006		Máy ảnh (trừ máy quay phim); thiết bị đèn chớp và đèn flash máy ảnh trừ đèn phóng điện thuộc nhóm 85.39	
	9006.51	- - Có bộ ngắm qua thấu kính (kính phản chiếu đơn (SLR)), sử dụng phim cuộn khổ rộng không quá 35 mm	RVC40 hoặc CTSH
	9006.59	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTSH
	9006.91	- - Sử dụng cho máy ảnh	RVC40 hoặc CTH
	9006.99	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
9007		Máy quay phim và máy chiếu phim, có hoặc không kèm thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh	

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
	9007.20	- Máy chiếu phim	RVC40 hoặc CTH
	9007.91	- - Dừng cho máy quay phim	RVC40 hoặc CTH
	9007.92	- - Dừng cho máy chiếu phim	RVC40 hoặc CTH
9008		Máy chiếu hình ảnh, trừ máy chiếu phim; máy phóng và máy thu nhỏ ảnh (trừ máy chiếu phim)	
	9008.50	- Máy chiếu hình ảnh, máy phóng và máy thu nhỏ ảnh	RVC40 hoặc CTSH
	9008.90	- Bộ phận và phụ kiện	RVC40 hoặc CTH
9011		Kính hiển vi quang học phức hợp, kể cả loại để xem vi ảnh, vi phim quay hay vi chiếu	
	9011.90	- Bộ phận và phụ kiện	RVC40 hoặc CTH
9012		Kính hiển vi trừ kính hiển vi quang học; thiết bị nhiễu xạ	
	9012.90	- Bộ phận và phụ kiện	RVC40 hoặc CTH
9013		Thiết bị tinh thể lỏng chưa được lắp thành các sản phẩm đã được chi tiết ở các nhóm khác; thiết bị tạo tia laser, trừ diốt laser; các thiết bị và dụng cụ quang học khác, chưa được nêu hay chi tiết ở nơi nào khác trong Chương này	
	9013.80	- Các bộ phận, thiết bị và dụng cụ khác	RVC40 hoặc CTH
9015		Thiết bị và dụng cụ dùng để quan trắc (kể cả quan trắc ảnh), dùng cho thủy văn học, hải dương học, thủy học, khí tượng học hoặc địa lý học, trừ la bàn; máy đo xa	
	9015.30	- Dụng cụ đo cân bằng (levels)	RVC40 hoặc CTH
	9015.90	- Bộ phận và phụ kiện	RVC40 hoặc CTH
9016	9016.00	Cân với độ nhạy 5cg (50 mg) hoặc chính xác hơn, có hoặc không có quả cân	RVC40 hoặc CTH
9018		Thiết bị và dụng cụ dùng cho ngành y, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y, kể cả thiết bị ghi biểu đồ nháy nháy, thiết bị điện y học khác và thiết bị kiểm tra thị lực	
	9018.19	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
	9018.31	- - Bơm tiêm, có hoặc không có kim tiêm	RVC40 hoặc CTH
	9018.32	- - Kim tiêm bằng kim loại và kim khâu vết thương	RVC40 hoặc CTH
	9018.39	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
	9018.49	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
	9018.90	- Thiết bị và dụng cụ khác	RVC40 hoặc CTH
9019		Thiết bị trị liệu cơ học; máy xoa bóp; máy thử nghiệm trạng thái tâm lý; máy trị liệu bằng ôzôn, bằng oxy, bằng xông, máy hô hấp nhân tạo hoặc máy hô hấp trị liệu khác	
	9019.10	- Máy trị liệu cơ học; máy xoa bóp; máy thử nghiệm trạng thái tâm lý	RVC40 hoặc CTH
	9019.20	- Máy trị liệu bằng ôzôn, bằng oxy, bằng xông, máy hô hấp nhân tạo hoặc máy hô hấp trị liệu khác	RVC40 hoặc CTH
9020	9020.00	Thiết bị thở và mặt nạ phòng khí khác, trừ các mặt nạ bảo hộ mà không có bộ phận cơ khí hoặc không có phin lọc có thể thay thế được	RVC40 hoặc CTH
9021		Dụng cụ chỉnh hình, kể cả nạng, băng dùng trong phẫu thuật và băng cố định; nẹp và các dụng cụ cố định vết gãy khác; các bộ phận nhân tạo của cơ thể người; thiết bị trợ thính và dụng cụ khác được lắp hoặc mang theo, hoặc cấy vào cơ thể, để bù đắp khuyết tật hay sự suy giảm của một bộ phận cơ thể	
	9021.10	- Các dụng cụ chỉnh hình hoặc nẹp xương	RVC40 hoặc CC
	9021.21	- - Răng giả	RVC40 hoặc CC
	9021.29	- - Loại khác	RVC40 hoặc CC
	9021.39	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
	9021.40	- Thiết bị trợ thính, trừ các bộ phận và phụ kiện	RVC40 hoặc CC
	9021.50	- Thiết bị điều hoà nhịp tim dùng cho việc kích thích cơ tim, trừ các bộ phận và phụ kiện	RVC40 hoặc CTH
	9021.90	- Loại khác	RVC40 hoặc CTH

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
9022		Thiết bị sử dụng tia X hoặc tia phóng xạ alpha, beta hay gamma, có hoặc không dùng cho mục đích y học, phẫu thuật, nha khoa hay thú y, kể cả thiết bị chụp hoặc thiết bị điều trị bằng các tia đó, ống phát tia X và thiết bị tạo tia X khác, thiết bị tạo tia cường độ cao, bảng và bàn điều khiển, màn hình, bàn, ghế và các loại tương tự, dùng để khám hoặc điều trị	
	9022.90	- Loại khác, kể cả bộ phận và phụ kiện	RVC40 hoặc CTH
9025		Tỷ trọng kế và các dụng cụ đo dạng nổi tương tự, nhiệt kế, hoá kế, khí áp kế, ẩm kế, có hoặc không ghi, và tổ hợp của chúng	
	9025.80	- Dụng cụ khác	RVC40 hoặc CTH
9026		Dụng cụ và máy đo hoặc kiểm tra lưu lượng, mức, áp suất hoặc biến số khác của chất lỏng hoặc chất khí (ví dụ, dụng cụ đo lưu lượng, dụng cụ đo mức, áp kế, nhiệt kế), trừ các dụng cụ và thiết bị thuộc nhóm 90.14, 90.15, 90.28 hoặc 90.32	
	9026.10	- Để đo hoặc kiểm tra lưu lượng hoặc mức của chất lỏng	RVC40 hoặc CTH
	9026.20	- Để đo hoặc kiểm tra áp suất	RVC40 hoặc CTH
	9026.80	- Thiết bị hoặc dụng cụ khác	RVC40 hoặc CTH
	9026.90	- Bộ phận và phụ kiện	RVC40 hoặc CTH
9027		Dụng cụ và thiết bị phân tích lý hoặc hóa học (ví dụ, máy đo phân cực, đo khúc xạ, quang phổ kế, máy phân tích khí hoặc khói); dụng cụ và thiết bị đo hoặc kiểm tra độ nhớt, độ xốp, độ giãn nở, sức căng bề mặt hoặc các loại tương tự; dụng cụ và thiết bị đo hoặc kiểm tra nhiệt lượng, âm lượng hoặc ánh sáng (kể cả máy đo độ phơi sáng); thiết bị vi phẫu	
	9027.20	- Máy sắc ký và điện di	RVC40 hoặc CTH
	9027.30	- Quang phổ kế, ảnh phổ và quang phổ ký sử dụng bức xạ quang học (tia cực tím, tia có thể nhìn thấy được, tia hồng ngoại)	RVC40 hoặc CTH
	9027.50	- Dụng cụ và thiết bị khác sử dụng bức xạ quang học (tia cực tím, tia có thể nhìn thấy được, tia hồng ngoại)	RVC40 hoặc CTH

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
	9027.80	- Dụng cụ và thiết bị khác	RVC40 hoặc CTH
	9027.90	- Thiết bị vi phẫu; các bộ phận và phụ kiện	RVC40 hoặc CTH
9028		Thiết bị đo khí, chất lỏng hoặc lượng điện được sản xuất hoặc cung cấp, kể cả thiết bị kiểm định các thiết bị trên	
	9028.30	- Công tơ điện	RVC40 hoặc CTH
9029		Máy đếm vòng quay, máy đếm sản lượng, máy đếm cây số để tính tiền taxi, máy đếm dặm, máy đo bước và máy tương tự; đồng hồ chỉ tốc độ và máy đo tốc độ góc, trừ các loại máy thuộc nhóm 90.14 hoặc 90.15; máy hoạt nghiệm	
	9029.10	- Máy đếm vòng quay, máy đếm sản lượng, máy đếm cây số để tính tiền taxi, máy đếm dặm, máy đo bước và máy tương tự	RVC40 hoặc CTH
	9029.20	- Đồng hồ chỉ tốc độ và máy đo tốc độ góc; máy hoạt nghiệm	RVC40 hoặc CTH
	9029.90	- Bộ phận và phụ kiện	RVC40 hoặc CTH
9030		Máy hiện sóng, máy phân tích phổ và các dụng cụ và thiết bị khác để đo hoặc kiểm tra đại lượng điện, trừ các loại máy thuộc nhóm 90.28; các thiết bị và dụng cụ đo hoặc phát hiện tia alpha, beta, gamma, tia X, bức xạ vũ trụ hoặc các bức xạ ion khác	
	9030.40	- Thiết bị và dụng cụ khác, chuyên dụng cho viễn thông (ví dụ máy đo xuyên âm, thiết bị đo độ khuếch đại, máy đo hệ số biến dạng âm thanh, máy đo tạp âm)	RVC40 hoặc CTSH
	9030.82	- - Để đo hoặc kiểm tra các vi mạch hoặc linh kiện bán dẫn	RVC40 hoặc CTSH
	9030.90	- Bộ phận và phụ kiện	RVC40 hoặc CTH
9031		Máy, thiết bị và dụng cụ đo lường hoặc kiểm tra, chưa được ghi hay chi tiết ở nơi khác trong Chương này; máy chiếu biên dạng	
	9031.41	- - Để kiểm tra các vi mạch hoặc linh kiện bán dẫn hoặc kiểm tra mạng che quang hoặc lưới carô sử dụng trong sản xuất các linh kiện bán dẫn	RVC40 hoặc CTH
	9031.80	- Dụng cụ, thiết bị và máy khác	RVC40 hoặc CTH

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
	9031.90	- Bộ phận và phụ kiện	RVC40 hoặc CTH
9032		Dụng cụ và thiết bị điều chỉnh hoặc điều khiển tự động	
	9032.10	- Bộ ổn nhiệt	RVC40 hoặc CTH
	9032.81	- - Loại dùng thủy lực hoặc khí nén	RVC40 hoặc CTH
	9032.89	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTH
	9032.90	- Bộ phận và phụ kiện	RVC40 hoặc CTH
9033	9033.00	Bộ phận và phụ kiện (chưa được chi tiết hoặc ghi ở các nhóm khác thuộc Chương này) dùng cho máy, thiết bị, dụng cụ hoặc đồ dùng thuộc Chương 90	RVC40 hoặc CC
CHƯƠNG 94		ĐỒ NỘI THẤT; BỘ ĐỒ GIƯỜNG, ĐỆM, KHUNG ĐỆM, NỆM VÀ CÁC ĐỒ DÙNG NHỒI TƯƠNG TỰ, ĐÈN VÀ BỘ ĐÈN, CHƯA ĐƯỢC CHI TIẾT HOẶC GHI Ở NƠI KHÁC; BIỂN HIỆU ĐƯỢC CHIẾU SÁNG, BIỂN ĐỀ TÊN ĐƯỢC CHIẾU SÁNG VÀ CÁC LOẠI TƯƠNG TỰ; NHÀ LẮP GHEP	
9401		Ghế ngồi (trừ các loại thuộc nhóm 94.02), có hoặc không chuyển được thành giường, và bộ phận của chúng	
	9401.52	- - Ghế bằng mây, liễu gai, tre hoặc các vật liệu tương tự: Bằng tre	RVC40 hoặc CTSH
	9401.53	- - Ghế bằng mây, liễu gai, tre hoặc các vật liệu tương tự: Bằng song, mây	RVC40 hoặc CTSH
	9401.59	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTSH
	9401.61	- - Đã nhồi đệm	RVC40 hoặc CTSH
	9401.69	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTSH
9403		Đồ nội thất khác và các bộ phận của chúng	
	9403.10	- Đồ nội thất bằng kim loại được sử dụng trong văn phòng	RVC40 hoặc CTSH
	9403.20	- Đồ nội thất bằng kim loại khác	RVC40 hoặc CTSH
	9403.70	- Đồ nội thất bằng plastic	RVC40 hoặc CTSH

Mã HS 2017 (Nhóm)	Mã HS 2017 (Phân nhóm)	Mô tả hàng hóa	Tiêu chí xuất xứ hàng hóa
	9403.82	- - Ghế khác: Bằng tre	RVC40 hoặc CTSH
	9403.83	- - Ghế khác: Bằng song, mây	RVC40 hoặc CTSH
	9403.89	- - Loại khác	RVC40 hoặc CTSH
CHƯƠNG 96		CÁC MẶT HÀNG KHÁC	
9619	9619.00	- - Băng (miếng) và nút bông vệ sinh (tampons), khăn và tã lót cho trẻ và các vật phẩm tương tự, bằng mọi vật liệu.	RVC40 hoặc CTH hoặc Quy tắc quy trình sản xuất 3
9620	9620.00	Chân đế loại một chân (monopod), hai chân (bipod), ba chân (tripod) và các mặt hàng tương tự	RVC40 hoặc CTH

Phụ lục II
MẪU C/O MẪU E

*(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019
của Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong ACFTA)*

Original (Duplicate/Triplicate)

1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country)			Reference No. ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate)		
2. Products consigned to (Consignee's name, address, country)			FORM E Issued in _____ (Country) See Overleaf Notes		
3. Means of transport and route (as far as known) Departure date Vessel's name/Aircraft etc. Port of Discharge			4. For Official Use <input type="checkbox"/> Preferential Treatment Given <input type="checkbox"/> Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s) Signature of Authorised Signatory of the Importing Party		
5. Item Number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8. Origin criteria (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10. Number, date of Invoices
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in (Country) and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the products exported to (Importing Country) Place and date, signature of authorised signatory			12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct. Place and date, signature and stamp of certifying authority		
13 <input type="checkbox"/> Issued Retroactively <input type="checkbox"/> Exhibition <input type="checkbox"/> Movement Certificate <input type="checkbox"/> Third Party Invoicing					

Handwritten signature

Handwritten signature

OVERLEAF NOTES

1. Parties which accept this form for the purpose of preferential treatment under the ASEAN-China Free Trade Area (ACFTA):

BRUNEI DARUSSALAM
INDONESIA
MYANMAR
THAILAND

CAMBODIA
LAOS
PHILIPPINES
VIETNAM

CHINA
MALAYSIA
SINGAPORE

2. CONDITIONS: The main conditions for admission to the preferential treatment under the ACFTA are that products sent to any Parties listed above:

- (i) must fall within a description of products eligible for concessions in the country of destination;
- (ii) must comply with all relevant provisions of Annex 1 (Rules of Origin) of the Protocol to Amend the Framework Agreement on Comprehensive Economic Co-operation and Certain Agreements thereunder between the Association of Southeast Asian Nations (ASEAN) and the People's Republic of China (ACFTA Upgrading Protocol).

3. ORIGIN CRITERIA: For each good described in Box 7 of this form, the origin criteria met should be indicated in Box 8, in the manner shown in the following table:

Circumstances of production or manufacture in the first country named in Box 11 of this form	Insert in Box 8
(a) Goods wholly produced or obtained satisfying subparagraph (a) of Article 2 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	WO
(b) Goods produced in a Party exclusively from originating materials from one or more of the Parties satisfying subparagraph (b) of Article 2 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	PE
(c) Goods produced from non-originating materials in a Party, satisfying paragraph 1 of Article 4 of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	
- Regional Value Content	Actual percentage of ACFTA value content, example "40%"
- Change in Tariff Classification at the four-digit level	CTH
(d) Goods satisfying the Product Specific Rules (PSR) in Attachment B of Annex 1 of the ACFTA Upgrading Protocol	PSR

4. EACH ARTICLE MUST QUALIFY: It should be noted that all the products in a consignment must qualify separately in their own right. This is of particular relevance when similar articles of different sizes or spare parts are sent.
5. DESCRIPTION OF PRODUCTS: The description of products in Box 7 must be sufficiently detailed to enable the products to be identified by the Customs Officers examining them.
6. The Harmonised System number of the importing party in Box 7 (six digit code) shall be determined according to the International Convention on the Harmonized Commodity Description and Coding System and subsequent amendments thereto.
7. The term "Exporter" in Box 1 and 11 may include the manufacturer or the producer. In the case of Movement Certificate (MC), the term "Exporter" also includes the exporter in the intermediate Party. For China, a Chinese manufacturer can apply for a Certificate of Origin (Form E) in the case where the manufacturer needs to authorise other agencies to export on its behalf. In this case, the manufacturer can make the declaration indicated in Box 11 and shall state the name and address of the exporter in Box 7.
8. FOR OFFICIAL USE: The Customs Authority of the importing Party must indicate (✓) in the relevant boxes in column 4 whether or not preferential treatment is accorded.
9. MOVEMENT CERTIFICATE: In cases of Movement Certificate, in accordance with Rule 12 of Attachment A of the Rules of Origin of the ACFTA Upgrading Protocol (Operational Certification Procedures): (i) "Movement Certificate" in Box 13 should be ticked (✓); (ii) the indicated value in Box 9 shall be the invoice value of the products exported from the intermediate Party. The indicated value in Box 9 is only required when the RVC criterion is applied; (iii) The name of the original Issuing Authorities of the Party, date of the issuance and the reference number of the original Certificate of Origin (Form E) to be indicated in Box 7.
10. THIRD PARTY INVOICING: In cases where invoices are issued by a third country, "the Third Party Invoicing" in Box 13 shall be ticked (✓). The invoice number shall be indicated in Box 10. Information such as name and country of the company issuing the invoice shall be indicated in Box 7.
11. EXHIBITIONS: In cases where products are sent from the exporting Party for exhibition in another Party and sold during or after the exhibition for importation into a Party, in accordance with Rule 22 of Attachment A of the Rules of Origin for the ACFTA, the "Exhibitions" in Box 13 should be ticked (✓) and the name and address of the exhibition indicated in Box 2.
12. ISSUED RETROACTIVELY: In exceptional cases, due to involuntary errors or omissions or other valid causes, the Certificate of Origin (Form E) may be issued retroactively in accordance with Rule 11 of Attachment A of the Rules of Origin for the ACFTA. The "Issued Retroactively" in Box 13 shall be ticked (✓) electronically or typewritten together with other information in the Certificate of Origin (Form E). In cases where the "Issued Retroactively" in Box 13 cannot be ticked electronically or typewritten, the Certificate of Origin (Form E) shall be stamped with the words "ISSUED RETROACTIVELY".

Phụ lục III
HƯỚNG DẪN KÊ KHAI C/O MẪU E XUẤT KHẨU
(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019
của Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong ACFTA)

C/O mẫu E phải được kê khai bằng tiếng Anh và đánh máy. Nội dung kê khai phải phù hợp với Tờ khai hải quan đã hoàn thành thủ tục hải quan và các chứng từ khác như vận đơn, hóa đơn thương mại và biên bản kiểm tra xuất xứ hàng hóa (trong trường hợp có yêu cầu kiểm tra). Nội dung kê khai C/O mẫu E cụ thể như sau:

1. Ô trên cùng bên phải “Reference No.” ghi số tham chiếu (do cơ quan, tổ chức cấp C/O ghi). Số tham chiếu gồm 13 ký tự, chia làm 5 nhóm, với cách ghi cụ thể như sau:

a) Nhóm 1: Tên viết tắt của Nước thành viên xuất khẩu là Việt Nam, gồm 02 ký tự là “VN”;

b) Nhóm 2: Tên viết tắt của Nước thành viên nhập khẩu, gồm 02 ký tự như sau:

CN: Trung Quốc	TH: Thái Lan
BN: Bờ-ru-nây	LA: Lào
KH: Cam-pu-chia	ID: In-đô-nê-xi-a
MY: Ma-lai-xi-a	MM: Mi-an-ma
PH: Phi-líp-pin	SG: Xinh-ga-po

c) Nhóm 3: Năm cấp C/O, gồm 02 ký tự. Ví dụ cấp năm 2019 ghi là “19”;

d) Nhóm 4: Mã số của cơ quan, tổ chức cấp C/O, gồm 02 ký tự. Danh mục các cơ quan, tổ chức cấp C/O được quy định cụ thể tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này. Danh mục này được cập nhật tại Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử của Bộ Công Thương tại địa chỉ www.ecosys.gov.vn khi có sự thay đổi;

đ) Nhóm 5: Số thứ tự của C/O, gồm 5 ký tự;

e) Giữa nhóm 1 và nhóm 2 có gạch ngang “-”; Giữa nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 có dấu gạch chéo “/”.

Ví dụ: Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Thành phố Hồ Chí Minh cấp C/O mang số thứ 2 cho một lô hàng xuất khẩu sang Trung Quốc trong năm 2019 thì cách ghi số tham chiếu của C/O này là: “VN-CN 19/02/00008”.

2. Ô số 1: Ghi tên giao dịch của nhà xuất khẩu, địa chỉ, tên Nước thành viên xuất khẩu (Việt Nam).

3. Ô số 2: Ghi tên người nhận hàng, địa chỉ, tên Nước thành viên nhập khẩu.

4. Ô số 3: Ngày khởi hành, tên phương tiện vận tải (nếu gửi hàng bằng máy bay thì ghi "By air", nếu gửi bằng đường biển thì ghi tên tàu) và tên cảng bốc dỡ hàng.

5. Ô số 4: Để trống.

6. Ô số 5: Số thứ tự các mặt hàng.

7. Ô số 6: Ký hiệu, số kiện hàng.

8. Ô số 7: Số kiện hàng, loại kiện hàng, mô tả hàng hóa (bao gồm số lượng và mã HS ở cấp độ 6 số).

9. Ô số 8: Ghi tiêu chí xuất xứ của hàng hóa:

Hàng hóa được sản xuất tại nước có tên đầu tiên ở Ô số 11 của C/O	Điền vào Ô số 8
a) Hàng hóa có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này	WO
b) Hàng hóa được sản xuất tại một Nước thành viên chỉ từ nguyên liệu có xuất xứ từ một hay nhiều Nước thành viên theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này	PE
c) Hàng hóa được sản xuất từ nguyên liệu không có xuất xứ tại một Nước thành viên theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này	
- Hàm lượng giá trị khu vực (RVC)	Ghi tỉ lệ phần trăm thực tế hàm lượng giá trị khu vực ACFTA, ví dụ "RVC 50%"
- Chuyển đổi mã số hàng hóa ở cấp độ 4 số	CTH
d) Hàng hóa đáp ứng Quy tắc cụ thể mặt hàng theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này	PSR

10. Ô số 9: Ghi trọng lượng cả bao bì hoặc trọng lượng tịnh hoặc đơn vị đo lường khác và trị giá FOB chỉ ghi trong trường hợp áp dụng tiêu chí RVC.

11. Ô số 10: Số và ngày của hóa đơn thương mại được phát cho lô hàng nhập khẩu vào Nước thành viên nhập khẩu.

12. Ô số 11:

- Dòng thứ nhất ghi tên nước xuất xứ của hàng hóa, nơi diễn ra công đoạn sản xuất cuối cùng ra hàng hóa;

- Dòng thứ hai ghi tên Nước thành viên nhập khẩu;

- Dòng thứ ba ghi địa điểm, ngày tháng năm đề nghị cấp C/O, họ tên, chữ ký của người ký đơn đề nghị cấp C/O.

13. Ô số 12: Dành cho cơ quan, tổ chức cấp C/O ghi: địa điểm, ngày tháng năm cấp C/O, chữ ký và họ tên của người có thẩm quyền ký cấp C/O, con dấu của cơ quan, tổ chức cấp C/O.

14. Ô số 13:

a) Trường hợp cấp sau thì đánh dấu vào Ô "Issued Retroactively" bằng điện tử hay đánh máy với thông tin khác trên C/O mẫu E. Trường hợp không thể đánh dấu bằng điện tử hay đánh máy thì đóng dấu với dòng chữ "ISSUED RETROACTIVELY";

b) Trường hợp sản phẩm được gửi từ Nước thành viên xuất khẩu để tham gia triển lãm tại một Nước thành viên khác và được bán trong hoặc sau thời gian triển lãm nhằm nhập khẩu vào một Nước thành viên thì đánh dấu vào Ô "Exhibition". Tên và địa chỉ nơi diễn ra triển lãm ghi tại Ô số 2;

c) Trường hợp sản phẩm được cấp C/O giáp lưng thì đánh dấu vào Ô "Movement Certificate". Trị giá trên Ô số 9 là trị giá hóa đơn của sản phẩm được xuất khẩu từ Nước thành viên trung gian. Trị giá trên Ô số 9 chỉ cần ghi nếu áp dụng tiêu chí RVC. Tên cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu E của Nước thành viên xuất khẩu đầu tiên, ngày cấp và số tham chiếu của C/O mẫu E gốc ghi tại Ô số 7;

d) Trường hợp hóa đơn được phát hành bởi một nước thứ ba thì đánh dấu vào Ô "Third Party Invoicing". Số hóa đơn được ghi tại Ô số 10. Tên và nước của công ty phát hành hóa đơn bên thứ ba ghi tại Ô số 7.

Phụ lục IV
DANH MỤC CÁC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC CẤP C/O MẪU E CỦA VIỆT NAM

(ban hành kèm theo Thông tư số 12/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019
của Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong ACFTA)

STT	Tên cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu E
1	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Hà Nội
2	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực TP. Hồ Chí Minh
3	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Đà Nẵng
4	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Đồng Nai
5	Sở Công Thương Hải Phòng
6	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Bình Dương
7	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Vũng Tàu
8	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Lạng Sơn
9	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Quảng Ninh
10	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Lào Cai
11	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Thái Bình
12	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Thanh Hoá
13	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Nghệ An
14	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Tiền Giang
15	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Cần Thơ
16	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Hải Dương
17	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Bình Trị Thiên
18	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Khánh Hoà
19	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Hà Tĩnh
20	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Ninh Bình
21	Ban Quản lý Khu Công nghiệp và chế xuất Hà Nội
22	Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Hà Giang